

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN TỊNH  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/8/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thượng Trọng Ký

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Võ Tấn Hồng;

2- Bà Nguyễn Thị Thương;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Chi- Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Công H - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLSTHNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**1- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Đội 5, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

**2- Bị đơn:** Anh **Bùi Ánh M**, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Đội 5, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Y có mặt, anh M (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28 tháng 4 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Kim Y trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bùi Ánh M trước khi kết hôn có tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/6/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh M không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2018 đến nay thì

vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, hiện chị thấy tình cảm giữa chị và anh M không còn. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Ánh M.

*Về con chung:* Có 02 đứa con chung Bùi Đức H, sinh ngày: 03/02/1994, và Bùi Thị Kim D, sinh ngày: 16/01/1997, hiện nay các con đã trên 18 tuổi, có đầy đủ sức khỏe nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay mượn.

*Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Ánh M trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị Y đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc. Nay chị Y xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung thì vợ chồng cũng không nợ ai, không cho ai vay mượn.

Vì bận công việc nên anh Bùi Ánh M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Ánh M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Y; Về con chung: Các con đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe nên không đề cập xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Bùi Ánh M, địa chỉ đội 5, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi nên đây là vụ án về “Ly hôn” và sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Kim Y có mặt, anh Bùi Ánh M có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt anh M là đúng quy định với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Bùi Ánh M trước khi kết hôn có tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15/6/1994. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Y có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh chị sống không hợp nhau, không xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị Y và anh M đã sống ly thân phần ai nấy sống đã hơn hai năm, không quan tâm lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh M có đơn xin xét xử vắng mặt chứng tỏ anh M không còn mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là phù hợp.

[4] Về con chung: Các con của chị Y, anh M đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh M không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Y chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim Y đối với anh Bùi Ánh M. Chị Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với anh Bùi Ánh M.

**2.** Về con chung: Các con của chị Y, anh M đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe nên không xem xét.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Y chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0002049 ngày 07- 5- 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/8/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S,  
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện S,  
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã T, huyện S,  
tỉnh Quảng Ngãi;
- Đường sự;
- Lưu: Ấn văn; hồ sơ vụ án.

**Thượng Trọng Ký**